

Bản án số: 100/2021/HS-ST  
Ngày 12-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Thế Cần;

2. Ông Trần Quang Dương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 11 năm 2021, đối với:

Bị cáo Nguyễn Xuân V sinh ngày 30/9/1982 tại: Huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Hữu N sinh năm 1951, ông N được hưởng chế độ chất độc hóa học; con bà: Nguyễn Thị N sinh năm 1949, bà N được tặng huân chương kháng chiến hạng 3; vợ: Đào Thị G sinh năm 1977; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/8/2021.

***Bị hại:***

1. Chùa T; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Trụ trì chùa - Ông Đào Văn TH sinh năm 1987; Pháp danh Thích Thanh C

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(*Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt ông TH*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền chi tiêu và từng có thời gian làm thuê ở Chùa T, biết nhà chùa có 01 máy trộn bê tông nên V nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy này. Khoảng 14 giờ ngày 05/8/2021, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29R4-8640 của gia đình từ nhà đến Chùa T, cách cổng chùa 50m thì V dừng xe, V để xe máy ở vệ đường rồi đi bộ vào cổng sau nhà chùa, cổng không khóa nên V mở cổng đi vào trong chùa, đến vị trí để chiếc máy trộn bê tông nhãn hiệu Huy Hòa để ở hiên khu vực bếp nhà chùa. Quan sát thấy không có người, V dùng tay kéo chiếc máy này ra khỏi chùa ra chỗ để xe máy. V dùng dây thép buộc chiếc càng của máy bê tông vào khung giá đỡ hàng của xe máy. Sau đó điều khiển xe mô tô đi theo đường nghĩa trang Thôn X ra đường 369B, khi đi đến quán nước của chị Nguyễn Thị M, V dừng xe ở mé đường bên phải, rồi vào quán uống nước. Tại đây, V mượn chị M chiếc mỏ lết bằng kim loại, màu trắng dài khoảng 30cm để tháo mô tô điện của máy trộn bê tông. Sau đó V trả mỏ lết cho chị M rồi đặt chiếc mô tơ vừa tháo được lên giá để đồ trên yên xe và điều khiển xe mô tô kéo theo máy trộn bê tông đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Trần Thị N, V hỏi "*Chị có cân cái này không*" vừa nói V vừa chỉ ra chiếc máy trộn bê tông bên đường, chị N đồng ý mua. V tháo máy trộn bê tông ra khỏi xe mô tô rồi nhờ những người bốc vác tại cửa hàng phế liệu khiêng máy trộn bê tông đặt lên cân được 150kg. Chị N trả cho V 1.430.000 đồng, V nhận tiền rồi điều khiển xe mô tô, chở chiếc mô tơ để trên giá để đồ đi về xã Đông Hải, huyện Q mua bánh đa. Sau đó, V điều khiển xe mô tô đi về nhà. Trên đường về, V nhận được điện thoại của ông Đào Văn TH là trụ trì Chùa T hỏi "*Có kéo cái máy trộn bê tông của nhà chùa đi không?*", V trả lời không và tiếp tục điều khiển xe đi về. V nghĩ hành vi trộm cắp của mình bị ông TH phát hiện nên V đi về cửa hàng thu mua phế liệu của chị N nói "*Em không bán máy nữa, em trả tiền chị, chị cho em chuộc lại máy về*", chị N đồng ý. V trả lại chị N số tiền 1.430.000 đồng rồi dùng xe kéo máy trộn bê tông về, mục đích mang trả lại cho chùa. Khi đi đến ngã ba rẽ vào hội người mù xã H thì bị Công an xã H phát hiện, đưa V cùng tang vật, phương tiện về UBND xã H làm việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 14/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q kết luận: Máy trộn bê tông nghiêng, nhãn hiệu Huy Hòa, màu sơn cam – xám, loại 350 lít, công suất động cơ điện 2,2KW, có giá trị 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Quá trình điều tra đại diện hợp pháp cho bị hại ông Đào Văn TH khai: Chiều ngày 05/8/2021, bị cáo Nguyễn Xuân V có trộm cắp của Chùa T 01 máy

trộn bê tông nhãn hiệu Huy Hòa đã cũ. Ông đã nhận lại chiếc máy trộn bê tông đã bị mất, ông không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản nào. Ông đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 99/CT-VKSQP ngày 19/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Xuân V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Xuân V về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân V từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo đã đi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

**Do đó, có đủ cơ sở kết luận:** Khoảng 14 giờ ngày 05/8/2021, tại Chùa T, địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình do ông Đào Văn TH, pháp danh Thích Thanh C trụ trì, Nguyễn Xuân V đã có hành vi trộm cắp của Chùa T 01 máy trộn bê tông, nhãn hiệu Huy Hòa, màu sơn cam – xám, loại 350 lít, công suất động cơ điện 2,2KW có giá trị 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

**“Điều 173.Tội trộm cắp tài sản**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

.....

*đ) Tài sản là di vật, cổ vật*

.....

*5.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”,*

Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu, bị cáo không chịu lao động mà trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, giữa ban ngày, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt áp dụng đối với bị cáo thấy: Tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có mẹ đẻ được tặng Huân chương kháng chiến, đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự lên một mức án tương xứng đối với bị cáo, cho bị cáo

được giáo dục, cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo nói chung và phòng ngừa tội phạm nói riêng. Mức hình phạt áp dụng với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại ông Đào Văn TH đã nhận lại tài sản mà bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự HĐXX không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 máy trộn bê tông, xác định đây là tài sản hợp pháp của Chùa T, cơ quan điều tra đã trả lại cho Chùa T, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29R4-8640 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị G là vợ bị cáo, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị G. Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự : Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân V 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/11/2021).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc

người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4.Về trách xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Xuân V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã H , huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**

*(Đã ký)*